TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2021.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thạch Cương;

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp Phước L, xã Phước M, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Phước M, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Trần Thị G tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 1987 (âm lịch), đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn vì cả ông và bà G do cuộc sống khó khăn nên bận đi làm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2016, ông và bà G sống ly thân cho đến nay. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà G, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với bà G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 12-02-1988 và Nguyễn Hồng K, sinh ngày 20-4-1990. Hiện các con đã thành niên, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Trần Thị G trình bày:

Bà thống nhất với ông N về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà đã dọn ra ở riêng từ năm 2016 cho đến nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông N, hôn nhân không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị G là vợ chồng. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 12-02-1988 và Nguyễn Hồng K, sinh ngày 20-4-1990 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị G có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã Phước M, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị G tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 4 năm 1987 (âm lịch), có tổ chức đám cưới. Mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông N, bà G vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữa ông N và bà G không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên bà G đã dọn ra ở riêng từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm không còn ông N yêu cầu được ly hôn với bà G và bà G cũng đồng ý.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 12-02-1988 và Nguyễn Hồng K, sinh ngày 20-4-1990; hiện các con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị không công nhận quan hệ của ông N và bà G là vợ chồng; con chung đã thành niên nên không đặt ra để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị G là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 12-02-1988 và Nguyễn Hồng K, sinh ngày 20-4-1990; hiện các con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011848 ngày 16-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CCTHADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân